

Nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững nguồn gen vật nuôi bản địa

TS Phạm Công Thiệu

Phó Viện trưởng Viện Chăn nuôi

Qua 25 năm thực hiện, Đề án Bảo tồn nguồn gen động vật, thực vật và vi sinh vật do Viện Chăn nuôi chủ trì đã đạt được những kết quả to lớn, có giá trị cao trong thực tiễn, có tác dụng lan tỏa lớn trong việc phát huy thế mạnh về tiềm năng các nguồn gen bản địa trong phát triển kinh tế - xã hội. Bài viết điểm lại một số kết quả nổi bật trong bảo tồn, lưu giữ nguồn gen vật nuôi (NGVN) bản địa do Viện thực hiện trong khuôn khổ Đề án nêu trên.

Việt Nam được đánh giá là 1 trong 16 quốc gia trên thế giới có tiềm năng đa dạng sinh học cao và là một trong những cái nôi thuần hóa động vật của loài người. Mặc dù các giống vật nuôi bản địa năng suất thấp, thời gian nuôi kéo dài, song nó lại có nhiều đặc điểm ưu việt (như thịt, trứng thơm ngon, chịu đựng kham khổ tốt, thích nghi với điều kiện sinh thái nơi chúng sinh ra...) và là nguồn gen quý để khai thác, phát triển và lai tạo ra các giống thương phẩm có giá trị cao trong tương lai.

Trong bối cảnh bùng nổ dân số, tốc độ đô thị hóa và tác động của biến đổi khí hậu thì an ninh lương thực và thực phẩm là mối quan tâm hàng đầu của thế giới. Mặt khác, do áp lực của nền kinh tế thị trường và nhu cầu tiêu dùng thực phẩm tăng nhanh, đáp ứng với sự tăng dân số trên thế giới nên đòi hỏi những giống vật nuôi có năng suất cao, vì vậy rất nhiều giống vật nuôi bản địa đang có nguy cơ bị mai một, làm mất đi nguồn gen đặc trưng quý báu của nó.

Theo Keith Hammond (chuyên gia của FAO), “sự đa dạng vật nuôi là duy nhất và là không thể thay thế được, ngành công nghệ sinh học hiện đại có thể cố gắng để cải tiến

giống đến đâu đi chăng nữa thì cũng không thể thay thế được sự đa dạng đã mất, những mất mát của sự đa dạng là vĩnh viễn. Công nghệ sinh học sẽ không thể tạo ra sự đa dạng khi nó đã bị mất đi”.

Nhận thức rõ vai trò của NGVN bản địa, từ năm 1985 Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) đã xây dựng Đề án bảo tồn nguồn gen động vật, thực vật và vi sinh vật. Viện Chăn nuôi được giao thực hiện nhiệm vụ này từ năm 1990.

Trong quá trình thực hiện, Viện đã đưa ra chiến lược bảo tồn phù hợp, đó là: trước hết phải ưu tiên việc cứu nguy các nguồn gen được xếp vào “hiểm họa” và phát hiện nhanh các giống chưa được biết đến để tránh mất nguồn gen; bảo tồn phải gắn với khai thác phát triển, tìm mọi hình thức để “xã hội hóa” công tác bảo tồn; gắn công tác bảo tồn lưu giữ các nguồn gen bản địa với chương trình giống quốc gia để phát huy hiệu quả của công tác này, đồng thời tạo thêm nguồn kinh phí; tiến hành trao đổi thông tin hợp tác quốc tế để thống nhất phương pháp đáp ứng tình hình hội nhập và tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế. Chính vì thế công tác bảo tồn, lưu giữ NGVN đã

đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp một cách có hiệu quả vào công cuộc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Dưới đây là một số kết quả nổi bật trong bảo tồn và lưu trữ NGVN bản địa do Viện Chăn nuôi thực hiện trong 25 năm qua.

Xây dựng mạng lưới và cơ sở vật chất cho công tác bảo tồn

Qua 25 năm thực hiện Đề án, Viện đã xây dựng được mạng lưới bảo tồn NGVN rộng lớn từ trung ương đến địa phương gồm 42 đơn vị/cơ sở với 115 cá nhân tham gia. Đó là các chuyên gia ngành chăn nuôi, thú y, công nghệ sinh học, các chủ trang trại, gia trại, nông hộ và những người có tâm huyết với công tác bảo tồn nguồn tài nguyên vật nuôi quốc gia, nơi có đối tượng nguồn gen tham gia vào mạng lưới bảo tồn này.

Song song với việc hình thành, xây dựng và phát triển mạng lưới thì hệ thống chuồng trại đều được nâng cấp, cải tạo, đặc biệt là các cơ sở nghiên cứu của Viện để nuôi giữ những NGVN bản địa một cách ổn định với quy mô hợp lý trên các địa bàn khác nhau trong cả nước. Những cơ sở vật chất này đã giúp cho công tác bảo tồn, lưu giữ được tốt hơn và

từng bước khai thác, phát triển hợp lý giá trị kinh tế các đối tượng NGVN bản địa Việt Nam.

Kết quả điều tra tìm kiếm bổ sung nguồn gen

Ở thời điểm trước khi thực hiện công tác bảo tồn và khai thác NGVN bản địa Việt Nam, chúng ta mới chỉ thống kê được 28 nguồn gen đang hiện hữu trong sản xuất. Sau 25 năm thực hiện Đề án, Viện đã tiến hành điều tra thu thập, phát hiện và bổ sung 54 NGVN bản địa vào Danh mục NGVN cần phải bảo tồn và lưu giữ. Trong đó, nhóm gia súc có 10 nguồn gen (trâu Hạ Lang, trâu Langbiang, bò H'mông, ngựa Bạch, cừu Phan Rang...), nhóm tiểu gia súc có 13 nguồn gen (lợn Mèo, lợn Sóc, lợn Cỏ A Lưới, lợn Táp Ná...), nhóm gia cầm có 23 nguồn gen (gà Tàu Vàng, gà H'mông, gà Tre miền Bắc, chim Trĩ đỏ khoang cổ...), nhóm thủy cầm có 8 nguồn gen (vịt Mốc, vịt Hòa Lan, vịt Muồng Khiêng, vịt Sín Chéng...). Trong số các nguồn gen được phát hiện đưa vào Danh sách sau năm 1990 có nhiều nguồn gen rất có giá trị về kinh tế, khoa học và văn hóa như: cừu Phan Rang, bò H'mông, ngựa Bạch, gà H'mông... Hiện nay, hầu hết các nguồn gen này đã được công nhận giống quốc gia và đưa vào Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT).



Gà Tàu Vàng - một trong những loài cần phải bảo tồn và lưu giữ nguồn gen

Cứu vãn một số NGVN bản địa có nguy cơ tuyệt chủng hoặc lai tạp

Thông qua việc điều tra thu thập, phát hiện bổ sung NGVN bản địa Việt Nam, Viện đã cứu vãn thành công nhiều vật nuôi đã từng nổi tiếng một thời, có giá trị về kinh tế và văn hóa đang có nguy cơ bị mất (do thiếu đực tốt, số lượng quần thể giảm, số hộ nuôi ít và sự đồng huyết cũng như pha tạp cao) nếu không có sự can thiệp kịp thời. Có thể kể đến như:

Bò U Đầu Riu: giống bò này được nuôi chủ yếu ở 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, tập trung nhiều nhất là ở huyện Nam Đàn, Thanh Chương (Nghệ An) và huyện Kỳ Anh (Hà Tĩnh), song đến thời điểm năm 2003, số lượng còn lại rất ít, đặc biệt là bò đực và cái thuần do chủ trương sinh hóa đàn bò. Nhờ có Đề án hỗ trợ mà giống bò này đã dần được phục hồi (chọn lọc nhân thuần, luân chuyển con đực giữa các vùng). Hiện nay, giống bò này đã có chừng vài chục ngàn con (gồm đàn hạt nhân, đàn sản xuất, đàn thương phẩm) và đang tiếp tục được phát triển thông qua nhiệm vụ "Khai thác và phát triển nguồn gen vật nuôi bản địa bò U Đầu Riu" do Trung tâm Ứng dụng KH&CN Nghệ An chủ trì.

Lợn Móng Cái: đây là giống lợn mẫn đẻ, đẻ nhiều con, nuôi con khéo, khả năng chống chịu tốt với bệnh tật và chịu được điều kiện sống kham khổ và thường được ví như lợn Meishane của Việt Nam. Trước đây, lợn Móng Cái là giống lợn chủ lực được nuôi phổ biến ở vùng Đồng bằng sông Hồng và một số tỉnh trung du miền núi phía Bắc nước ta. Sau đó do có Chương trình 166 về nạc hóa đàn lợn kết hợp việc du nhập các giống lợn siêu nạc (Landrace, Yorkshire, Duroc) mà lợn Móng Cái bị giảm nhanh cả về số lượng và chất lượng đàn giống, mức độ an toàn là không bền vững, dễ pha tạp, nguy

cơ mất giống thuần cao do thiếu lợn đực giống (dân không muốn nuôi lợn đực nội). Đứng trước tình hình đó, Đề án đã hỗ trợ về kỹ thuật và một phần kinh phí cho trại lợn giống Móng Cái Trảng Bạch (Đông Triều - Quảng Ninh) chọn lọc và giữ được đàn hạt nhân giống lợn này, không chỉ cung cấp đủ con giống cho tỉnh Quảng Ninh mà còn cho một số tỉnh Bắc Bộ, đặc biệt là các tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Hiện nay, lợn Móng Cái đã phát triển trở lại với đúng vai trò, vị trí của chúng với số lượng hàng trăm ngàn con, được nuôi khá nhiều trong nông hộ và trang trại ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Gà Hồ: là giống gà được nuôi chủ yếu tại làng Lạc Thổ, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Giống gà này được coi là giống quý hiếm, đứng đầu trong bộ giống gà tiến Vua ở nước ta. Sự hình thành giống gà Hồ gắn liền với tập quán cổ truyền, với nền văn hiến vùng quê "Kinh Bắc" cổ kính, nơi sản xuất ra tranh Đông Hồ, "tranh dân gian gà Hồ" đã đi vào lịch sử và lưu truyền đến ngày nay. Do nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng đòi hỏi phải có những giống gà có năng suất cao cũng như do sức ép của kinh tế thị trường, gà Hồ đã bị lai tạp và mất dần theo năm tháng, năm 1990 chỉ còn không đầy 50 cá thể nuôi trong nông hộ và đồng huyết nặng. Trước nguy cơ gà Hồ có thể sẽ bị diệt vong, Đề án đã khởi đầu bằng việc giúp địa phương phục hồi lại cuộc thi gà Hồ vào đầu xuân hàng năm, kết hợp với việc quảng bá gà Hồ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, triển lãm, hội thảo... Năm 1992, Hội nuôi gà Hồ được thành lập với sự giúp đỡ về kinh phí và kỹ thuật của Viện, gà Hồ đã được cứu vãn và duy trì đến ngày nay. Chính việc thông qua các lớp tập huấn kỹ thuật về quy trình chăn nuôi, thú y phòng bệnh, ấp trứng..., Hội thi gà Hồ được duy trì tổ chức thường niên vào đầu xuân

đã góp phần không những bảo tồn mà còn phát triển được giống gà Hồ ra sản xuất. Số lượng gà Hồ thuần chủng được phát triển hàng ngàn con, cung cấp cho nhu cầu chăn nuôi của người dân trong vùng và cả nước. Việc kết hợp văn hóa để bảo tồn gà Hồ là đặc điểm nổi bật đáng được ghi nhận.

Gà Đông Tảo: giống gà này có nguồn gốc ở làng Đông Tảo, xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Gà có bộ chân phì to, nhiều vảy lúc trưởng thành và được gọi là gà “vảy rồng”, thịt chắc, phù hợp với các món nấu đông, làm giò gà... tuy nhiên, gà có nhược điểm là khả năng sinh sản thấp (sản lượng trứng/mái/năm chỉ đạt 55-65 quả), tỷ lệ nở/trứng ấp thấp (60-70%) do vậy ít người nuôi. Kết quả điều tra năm 1992 tại làng Đông Tảo cho thấy, chỉ có duy nhất gia đình ông Nguyễn Trọng Tấn nuôi giống gà này với 1 cổ (1 trống 4 mái) có ngoại hình như trong sách vở miêu tả, còn một số gia đình khác cũng nuôi nhưng gà của họ không được thuần (đã bị lai tạp). Nhận thấy đây có thể là một giống gà đặc sắc (và nay được xem là giống gà độc nhất vô nhị trên thế giới có bộ chân khùng với “vảy rồng”), Viện đã giao cho Trung tâm Nghiên cứu gia cầm Vạn Phúc (nay là Trung tâm Nghiên cứu huấn luyện chăn nuôi) kết hợp với gia đình ông Tấn nuôi bảo tồn giống gà này từ năm 1992. Kết quả, từ 1 cổ gà ban đầu đã nhân thuần lên được hơn 100 gà mái và 20 gà trống. Từ tháng 8.2012 đến nay, giống gà này đã phát triển nhanh nhờ có sự hỗ trợ từ việc quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua mạng mà nhiều người biết đến, do vậy nhu cầu thị trường lại càng cao, lan ra nhiều tỉnh không những ở ngoài Bắc mà cả trong Nam (nhiều trại chăn nuôi làm ăn phát đạt nhờ nuôi gà Đông Tảo như ở Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An).



Gà “vảy rồng” - một nguồn gen quý được Viện Chăn nuôi phục hồi và phát triển

Gà Mía: một giống gà đặc sản được gắn liền với “vùng đất hai Vua - Phùng Hưng và Ngô Quyền”. Kết quả khảo sát điều tra nguồn gen vật nuôi năm 1993 cho thấy, giống gà này chỉ còn tồn tại ở thôn Mông Phụ, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Nơi đây là vùng bán sơn địa, xưa kia có nhiều lễ giáo, việc thuần dưỡng và phát triển giống gà này là để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của quan lại phong kiến, dùng gà này làm vật tế lễ và sử dụng trong các hội thi gà. Qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, giống gà này chỉ còn 2 gia đình nuôi (ông Phan Văn Ve và ông Nguyễn Ngọc Quyền), mỗi gia đình nuôi 5-10 con mái và 2-4 con trống. Được sự tư vấn về kỹ thuật và hỗ trợ kinh phí từ Viện, 2 gia đình đã nuôi giữ nguồn gen giống gà này, đến cuối năm 1993 số gà thuần trưởng thành và sinh sản đã lên đến 35 mái, 15 trống và đã sản xuất ra trên 200 gà con giống. Từ đó nguồn gen gà Mía được cứu vãn, phục hồi và mở rộng do được thị trường tiêu dùng ưa chuộng. Hội chăn nuôi gà Mía cũng được thành lập từ đó và duy trì đến ngày nay.

Hiện nay, dưới sự hỗ trợ kinh phí nuôi giữ giống gốc của Sở NN&PTNT Hà Nội đã có cả một xí nghiệp giống gia cầm Halico nuôi đàn gà Mía thuần quy mô lên đến 5.000 con để sản xuất con giống thuần cung cấp cho nhu cầu sản xuất. Ngoài khai thác con thuần, gà trống Mía còn được

sử dụng cho lai với một số giống gà lông màu khác nhằm tạo gà lai nuôi thịt, đây là con lai chủ đạo hiện nay của vùng gà đồi Yên Thế, gà đồi Phú Bình, Công ty Gia cầm Lương Huệ (Hải Phòng), Tập đoàn Babaco (Bắc Ninh), Công ty Gia cầm Phùng Dầu Sơn (Khánh Hòa), Công ty TNHH gia cầm Minh Dư (Bình Định)...

Vịt Kỳ Lừa: là giống vịt có tầm vóc khá lớn trong các giống vịt bản địa, thịt thơm ngon, trước đây được nuôi khá nhiều ở huyện Bình Gia và vùng phụ cận thành phố Lạng Sơn để làm món vịt quay với lá mắc mật nổi tiếng của vùng đất biên cương xứ Lạng. Tuy nhiên, sau đó do nhu cầu thực phẩm tăng đòi hỏi các giống có năng suất cao nên một loạt giống vịt thịt nổi tiếng của thế giới đã được nhập vào nước ta như vịt Salavat, vịt Super Meat... Do vậy, vịt Kỳ Lừa dần bị lãng quên và có nguy cơ bị mất hẳn nguồn gen này. Từ năm 2004, sau dịch cúm gia cầm xảy ra thì Phòng Khuyến nông huyện Bình Gia và Viện Chăn nuôi đã phối hợp bảo tồn để cứu vãn nguồn gen vịt Kỳ Lừa tại Bình Gia và nuôi chuyển chỗ tại Viện. Sau nhiều năm chọn lọc, nhân thuần và mở rộng quần thể, giống vịt này đã trở lại mức độ bình thường an toàn và phát triển tốt.

Vịt Bầu Bẩn: là giống vịt có từ lâu đời và phát triển chủ yếu ở lưu vực sông Đà và vùng chợ Bến (tỉnh Hòa Bình). Đây là giống vịt thích hợp với điều kiện chăn thả, sức đề kháng cao, thịt ngon, ít mỡ, rất được ưa chuộng. Do nhu cầu của nền sản xuất hàng hóa có tính công nghiệp cao, giống vịt này ít được quan tâm và ngày càng bị suy giảm về chất lượng cũng như đầu con và có nguy cơ mất nguồn gen này. Theo kết quả điều tra về nguồn gen vịt Bầu Bẩn, năm 1998 chỉ còn lại 5 gia đình người dân tộc Mường ở rải rác trong các thung lũng sâu còn nuôi vịt Bầu Bẩn. Trong đó có 1 gia đình đã nuôi

giữ giống vịt này từ năm 1964. Nhờ có sự hỗ trợ về kỹ thuật cũng như một phần kinh phí từ Đề án, giống vịt này đã được khôi phục và nuôi tại Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên, huyện Lương Sơn và Trung tâm Giống vật nuôi và thủy sản Hòa Bình với số lượng hơn 1.100 mái hạt nhân và 5.500 vịt thương phẩm.

Kết quả bảo tồn, lưu giữ NGVN bản địa Việt Nam

Kết quả bảo tồn insitu các NGVN hiện có: với mạng lưới bảo tồn insitu tại chỗ rộng khắp cả nước được Viện xây dựng để bảo tồn các nguồn gen có nguy cơ mất hoặc mới được thu thập bổ sung, trong 25 năm qua đã có 82 NGVN bản địa được đưa vào nuôi bảo tồn. Các nguồn gen đều giữ được những đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật khá ổn định qua các thế hệ. Ví dụ như gà Ri lúc đầu năng suất trứng/mái/năm chỉ đạt 108,3-120,8 quả, hiện nay đã đạt được 128-130 quả, giống gà này đã được nhận Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ nhất năm 2012; gà Hắc Phong nuôi bảo tồn kết quả bước đầu cho năng suất trứng đạt 148-153 quả/mái/năm, qua thời gian nuôi bảo tồn có sự tác động về kỹ thuật đến nay đã đạt 156,9 quả/mái/năm, đặc điểm ngoại hình đặc trưng ổn định qua các thế hệ...

Trong số các NGVN bản địa được bảo tồn, lưu giữ đã có một số đối tượng nguồn gen được sử dụng có hiệu quả và đã đưa ra sản xuất đại trà như: gà H'mông, gà Ác, vịt Cỏ, gà Ri, cừu Phan Rang, lợn Móng Cái... và một số đối tượng đã đưa ra khai thác và phát triển như gà Móng, gà Mía, gà Hồ, gà Đông Tảo, gà Tre, gà Chọi, gà Tiên Yên, vịt Bầu Quý, vịt Bầu Bến, vịt Kỳ Lừa, vịt Đốm, vịt Mốc, bò U Đầu Rìu, bò H'mông, lợn Hạ Lang, lợn Mán, lợn Sóc, lợn Vân Pa, lợn Táp Ná... Trong quá trình bảo tồn insitu các NGVN, Viện đã rút ra

được bài học kinh nghiệm quý báu đó là muốn bảo tồn được chúng thì phải khai thác phát triển, vì vậy trong thực hiện Đề án này, phần khai thác phát triển ngay từ đầu đã được coi trọng, được xã hội ủng hộ và đồng lòng hợp tác (chúng tôi sẽ giới thiệu kết quả khai thác và phát triển NGVN bản địa vào một dịp khác).

Kết quả bảo tồn exsitu NGVN: bảo tồn exsitu chủ yếu là bảo tồn tinh, phôi, trứng, nhiễm sắc thể, tế bào somma, ADN trong những môi trường đặc biệt để làm ngừng hoạt động của tế bào một thời gian, sau đó có thể phục hồi lại sự hoạt động của chúng để cho tiếp tục sinh sản hay phát triển thành cơ thể mới.

Ứng dụng phương pháp bảo tồn exsitu, các nhà khoa học của Viện đã nghiên cứu hoàn chỉnh được quy trình đông lạnh tinh, phôi bò, công nghệ xác định giới tính phôi bằng kỹ thuật PCR trong vòng 1,5 giờ để có thể bảo tồn chính xác phôi theo giới tính như mong muốn. Đã nghiên cứu áp dụng và hoàn thiện được các quy trình tách chiết ADN từ cả 3 loại vật liệu (máu, mô và lông), làm chủ được kỹ thuật nhân gen, kỹ thuật giải trình tự gen, kỹ thuật xác định đa hình gen bằng phương pháp cắt gen bằng enzyme giới hạn, kỹ thuật phân tích microsatellite.

Trong 25 năm qua, Viện đã thu thập được 2.234 mẫu dạng tế bào và 1.696 mẫu dạng ADN của 30 NGVN bản địa quý hiếm, đặc hữu như: lợn Móng Cái, lợn Ỉ, lợn Cỏ, bò Vàng, bò U Đầu Rìu, bò H'mông, gà Ri, gà Hồ, gà Đông Tảo, gà Mía, gà Ác, gà Chọi, gà Móng, dê Cỏ, dê Bách Thảo, cừu Phan Rang, hươu Sao... Đây là những nguồn gen hết sức quý giá, khi cần với các vật liệu di truyền này người ta có thể nhân bản được các giống vật nuôi quý hiếm bằng công nghệ sinh học sau hàng trăm năm.

Kết quả đánh giá NGVN

Phân tích NGVN bằng công nghệ gen giúp xác định sự sai khác di truyền giữa các giống và xác định các gen liên quan đến các tính trạng kinh tế quan trọng, làm cơ sở cho công tác chọn tạo, cải tiến và nâng cao năng suất giống vật nuôi. Bằng kỹ thuật này, chúng tôi đã phân tích, phân loại 8 giống lợn (Móng Cái, Ỉ, Sóc, Mường Khương, Bản, Cỏ, Vân Pa, H'Mông), 9 giống gà (Đông Tảo, Ri, Mía, Ác, H'Mông, Hồ, Tàu Vàng, Tre, Chọi), 3 giống dê và cừu bằng kỹ thuật phân tích ADN trong hệ gen và trong ty thể (mtADN- D-loop và Cytochrome b-cyt b). Bên cạnh đó, Viện đã giải mã thành công 86 đoạn gen quan trọng liên quan đến tính trạng số con sinh ra/lứa đẻ, tỷ lệ nạc, chất lượng sữa trên các giống lợn (Móng Cái, Ba Xuyên, Ỉ), gà (Ri, Mía, Hồ, Đông Tảo, Ác, Tre, H'Mông, Tè) và bò Vàng. Kết quả giải mã các đoạn gen bản địa này đã được Viện đăng ký bản quyền của Việt Nam trên Ngân hàng dữ liệu gen quốc tế với mã số giống của Việt Nam từ AJ746055 đến AJ746065, từ AJ841941 đến AJ841961; code từ AJ 849456 đến J862877, từ AJ862878 đến AJ862896; (IGF1) TG402 đến TG418 (<http://www.ebi.ac.uk> và <http://www.ncbi.nlm.nih.gov/nuc core/>). Các đoạn gen này rất có ý nghĩa cho công tác chọn giống, lai tạo nâng cao chất lượng và năng suất vật nuôi nước ta.

Bên cạnh đó, các giống gà bản địa Việt Nam cũng được phân tích xuất xứ nguồn gốc dựa vào kỹ thuật đa hình cấu trúc sợi đơn ADN và kỹ thuật Microsatellite. Đây là kết quả đầu tiên về lĩnh vực này trên gia súc, gia cầm bản địa của Việt Nam.